

Soạn Getting started - Unit 3 lớp 9 SGK trang 26, 27**1. Listen and read**

(Nghe và đọc)

Nội dung bài nghe:

Amelie: Hi Phuc! Where's Mai? Isn't she coming?

Phuc: She said she was too tired and didn't want to go out. She's been staying up late studying for the exam.

Nick: Does she need to be that stressed out?

Phuc: Maybe not. But my parents always expect her to get good grades and she doesn't want to disappoint them. They want her to go to a top college and study medicine.

Amelie: Really? She told me she wanted to be a designer...

Phuc: Yes, that's why she's been a bit tense lately. She doesn't know what to do. My parents said design graduates wouldn't find jobs easily and they wanted her to get a medical degree.

Amelie: Oh, I understand. Sometimes I wish my parents could put themselves in my shoes...

Nick: Anyway, Mai needs to take a break. I'll call and ask her if she wants to go and see a film with us tomorrow.

Phuc: Oh, I doubt it... She's already fully booked for the weekend with her maths class, English class, judo class, and music lesson!

Hướng dẫn dịch

Amelie: Chào Phúc! Mai đâu rồi? Chị ấy chưa đến à?

Phúc: Chị ấy bảo chị quá mệt và không muốn ra ngoài. Chị ấy đang phải thức khuya để ôn thi.

Nick: Có nhất thiết phải áp lực vậy không?

Phúc: Chắc là không. Nhưng bố mẹ mình luôn muốn chị ấy đạt điểm cao và chị thì không muốn họ thất vọng. Họ muốn chị Mai đỗ trường đại học hàng đầu và học ngành y.

Amelie: Thật chứ? Chị ấy bảo mình là muốn trở thành một nhà thiết kế cơ mà...

Phúc: Đúng rồi. Đó là lí do tại sao đợt gần đây chị Mai khá căng thẳng. Chị ấy không biết phải làm gì. Bố mẹ cô ấy nói tốt nghiệp ngành thiết kế khó tìm được việc và họ muốn chị ấy có được tấm bằng ngành y.

Amelie: Ồ mình hiểu. Thỉnh thoảng mình ước là bố mẹ có thể đặt họ vào vị trí của mình.

Nick: Dẫu sao thì chị Mai cũng cần được nghỉ ngơi chứ. Mình sẽ gọi và hỏi xem chị ấy có muốn đi xem với chúng mình ngày mai không?

Phúc: Minh e là không. Hình như chị Mai kín lịch học cuối tuần lớp học Toán, Tiếng Anh, judo và lớp học nhạc nữa.

a. Find the OPPOSITE of the following words in the conversation.

(Tìm từ trái nghĩa với các từ bên dưới trong đoạn đối thoại.)

1. to go to bed early >< to stay up late
2. to be relaxed >< to be tense
3. bad exam results >< good grade
4. to make someone happy >< to disappoint someone
5. to work continuously >< to take a break
6. to have no plans >< to book for

b. Choose the best answer.

(Chọn đáp án đúng nhất.)

1. C	2. B	3. C	4. A	5. B	6. A
------	------	------	------	------	------

c. What do you think Amelie means when she says, 'Sometimes I wish my parents could put themselves in my shoes'?

(Amelie nói "Thỉnh thoảng mình ước là bố mẹ có thể đặt họ vào vị trí của mình?" nghĩa là gì?)

Amelie wishes her parents could put themselves in her situation to better understand her.

2. Fill the gaps with the words in the box. In some cases more than one word may be suitable.

(Điền từ vào chỗ trống. Một số trường hợp có thể sử dụng nhiều hơn 1 lần.)

1. worried/tense/stressed; relaxed/confident.
2. calm.
3. depressed/frustrated/stressed.
4. confident/relaxed/calm.
5. delighted/confident.
6. worried.

Hướng dẫn dịch

1. Thu đã học rất chăm chỉ cho kỳ thi nhưng cô vẫn cảm thấy lo lắng. Bây giờ cô ấy đã hoàn thành tốt bài thi nên cô cảm thấy thoải mái hơn rất nhiều.
2. Mẹ tôi là một người mạnh mẽ. Bà ấy luôn bình tĩnh thậm chí trong những tình huống tồi tệ nhất.
3. Linh cảm thấy căng thẳng về việc học của mình. Cô ấy lại thi rớt lần nữa.
4. Tôi nghĩ thuyết trình trước lớp là một ý kiến hay nếu bạn muốn tự tin hơn.
5. Emma cảm thấy hài lòng với kiểu tóc hợp thời trang mới của cô ấy.
6. Phúc, Nick và Amelie cảm thấy thất vọng. Họ muốn giúp Mai nhưng họ không biết phải làm gì cho cô ấy.

3. Match the statements with the functions.

(Nối những câu sau với ý nghĩa của nó.)

1. encourage someone.
2. give advice to someone.
3. empathise with someone.
4. assure someone.
5. empathise with someone.
6. encourage someone.

4. How do you feel today?

(Hôm nay bạn thấy thế nào)

Work in pairs. Tell your friend how you today and what ...

(Làm việc theo cặp. Nói với bạn của em hôm nay bạn thấy thế nào và những gì đã xảy ra khiến bạn cảm thấy như vậy. Bạn của em trả lời em, sử dụng các câu ở mục 3.)

A: Today, I feel happy and motivated. My English teacher gave me 10 mark for my English presentation in class. I could prepare such a good presentation because I got reference from the website called tailieu.com

B: Well done! You did a really great job!